

Vietnam Daily Review

Giăng co quanh mốc tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/9/2020		•	
Tuần 14/9-18/9/2020		•	
Tháng 9/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN Index chủ yếu dao động quanh mốc tham chiếu trong suốt thời gian giao dịch hôm nay. Dòng tiền đầu tư không thay đổi nhiều khi vẫn có 11/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục có trạng thái bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường có sự suy giảm so với phiên hôm trước, đồng thời độ rộng thị trường ở trạng thái cân bằng cho thấy áp lực bán và động lực mua hiện đang không có sự nghiêng hẳn về phía nào. Theo nhận định của chúng tôi, VN Index sẽ tiếp tục tạm thời tích lũy và dao động đi ngang tại khu vực 890-900 điểm trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 16/9/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Dầu khí_3.2%**

Phân tích kỹ thuật: PVS_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.21 điểm**, đóng cửa 897.47. HNX-Index **-0.06 điểm**, đóng cửa 127.87.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.48); PLX (+0.45); VCB (+0.42); VHM (+0.37); MWG (+0.22)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BCM (-0.3); VNM (-0.29); BID (-0.22); CTG (-0.21); MSN (-0.16)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **4,399 tỷ đồng, -20.51%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 2.95 điểm. Thị trường có **183** mã tăng, 68 mã tham chiếu và **198** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-164.46 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **VHM (-58.5 tỷ), VNM (-43.2 tỷ) và QNS (-31.9 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.97 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX	897.47
Giá trị: 4399.06 tỷ	1.21 (0.14%)
Khối ngoại (ròng): -164.46 tỷ	

HNX-INDEX	127.87
Giá trị: 521.33 tỷ	-0.06 (-0.05%)
Khối ngoại (ròng): -1.97 tỷ	

UPCOM-INDEX	59.76
Giá trị: 396.47 tỷ	0.2 (0.34%)
Khối ngoại (ròng): -36.28 tỷ	

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	39.4	2.82%
Giá vàng	1,966	0.63%
Tỷ giá USD/VND	23,178	0.05%
Tỷ giá EUR/VND	27,450	-0.29%
Tỷ giá JPY/VND	22,031	0.26%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	29.64%
LS TPCP 5 năm	1.6%	-0.83%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	36.2	VHM	-58.5
VRE	34.8	VNM	-43.2
HSG	18.3	QNS	-31.9
VCB	12.9	NBB	-25.8
HCM	10.2	GEX	-19.5
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thông kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	9/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Dầu khí	3.2%	4.9%	3.8%	12.3%	12.3%	-14.2%	41.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.8%	1.5%	1.1%	11.4%	11.4%	-10.6%	34.0%
Xây dựng	0.6%	2.9%	4.6%	19.5%	19.5%	10.4%	31.9%
Corona Avengers	0.5%	2.1%	4.7%	13.7%	13.7%	9.6%	37.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.4%	1.0%	2.0%	14.0%	14.0%	-3.6%	31.4%
VN Diamond	0.4%	0.9%	0.8%	10.6%	10.6%	-9.0%	32.5%
Đầu tư công	0.4%	2.9%	5.6%	21.6%	21.6%	14.7%	28.8%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.2%	0.6%	1.2%	15.5%	15.5%	2.2%	26.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.2%	1.2%	2.1%	12.7%	12.7%	0.2%	28.8%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	0.6%	4.3%	15.2%	15.2%	17.8%	22.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.1%	1.3%	3.6%	12.9%	12.9%	6.0%	31.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.1%	1.3%	2.3%	8.3%	8.3%	-6.2%	26.4%
Chiến tranh thương mại	0.1%	-0.4%	3.7%	19.0%	19.0%	3.0%	32.1%
FTSE Việt Nam	0.1%	1.5%	2.6%	7.9%	7.9%	-3.7%	26.5%
Vật liệu Xây dựng	0.1%	2.3%	2.5%	14.9%	14.9%	12.2%	29.7%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.0%	-0.1%	4.2%	20.1%	20.1%	21.0%	31.7%
Nước & Năng lượng	0.0%	1.0%	3.4%	16.3%	16.3%	4.7%	27.4%
Cổ phiếu ngành Dược	0.0%	0.8%	3.2%	16.1%	16.1%	6.4%	22.8%
VN FinSelect	0.0%	0.6%	0.8%	7.5%	7.5%	-4.2%	31.2%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.0%	0.7%	0.6%	7.6%	7.6%	-4.2%	33.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.0%	1.1%	1.0%	10.9%	10.9%	-2.7%	29.5%
Hàng tiêu dùng	-0.1%	0.7%	2.8%	14.2%	14.2%	4.7%	30.8%
Ngân Hàng	-0.2%	1.0%	0.4%	13.8%	13.8%	4.0%	35.0%
Lãi suất giảm	-0.5%	1.3%	7.4%	20.3%	20.3%	16.6%	33.7%
Stay-at-home	-0.6%	0.7%	4.1%	17.8%	17.8%	23.3%	35.5%

Mục tiêu	7/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	0.7%	2.0%	3.0%	12.4%	12.4%	-8.9%	35.5%
M12	0.7%	1.4%	1.7%	10.3%	10.3%	-1.7%	27.1%
M22	0.6%	1.5%	1.3%	10.9%	10.9%	5.1%	27.4%
S21	0.6%	1.2%	4.1%	15.7%	15.7%	-0.1%	29.4%
L22	0.6%	1.3%	2.9%	13.9%	13.9%	-3.3%	29.5%
L32	0.3%	1.5%	2.7%	11.1%	11.1%	-10.3%	32.4%
L11	0.2%	1.3%	2.2%	12.2%	12.2%	-0.4%	26.0%
M31	0.0%	0.3%	0.7%	13.2%	13.2%	-1.7%	32.3%
S11	-0.3%	0.8%	3.1%	13.9%	13.9%	13.1%	27.4%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.7%	2.2%	3.2%	12.5%	12.5%	-2.4%	30.1%
LOW1	0.5%	0.9%	1.7%	8.1%	8.1%	-3.0%	27.2%
MID1	-0.1%	1.2%	3.7%	17.2%	17.2%	13.1%	27.1%

INDEX							
VNINDEX	0.1%	1.0%	1.8%	8.8%	8.8%	-6.6%	25.9%
VN30INDEX	0.1%	1.1%	1.3%	8.3%	8.3%	-5.1%	27.2%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	9	16	15	10	18	7
Mục tiêu	9	7	2	7	2	6	3
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

https://invest.bsc.com.vn/#/login

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 16/09

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	38.76	1.25%	1.90%	-8.40%	-27.65%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	40.93	0.99%	0.30%	-10.90%	-28.92%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	114.08	0.24%	1.90%	-4.00%	-26.19%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1958.27	0.21%	0.60%	-1.40%	32.99%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.25	0.43%	1.00%	-0.80%	60.35%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	989.50	-0.20%	1.10%	10.10%	3.86%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	536.00	-0.42%	-1.40%	5.20%	3.28%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.58	-0.48%	0.50%	7.00%	7.77%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	174.95	0.71%	5.60%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.71	1.68%	0.20%	-6.60%	-4.51%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	121.80	-1.02%	-7.80%	3.10%	4.01%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6761.50	-0.51%	1.40%	8.10%	16.16%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	531.90	-0.89%	-1.70%	-1.30%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1789.50	-0.61%	-0.10%	1.50%	-0.14%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	121.38	-1.87%	-1.40%	0.90%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	54.10	0.56%	6.50%	3.00%	-30.10%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent tăng hơn 92 US cent (2,3%) lên 40,53 USD/thùng. Dầu thô WTI tăng 1,02 USD (2,7%) lên 38,28 USD/thùng. Bảo Sally đang mạnh lên ở Vịnh Mỹ, đang tiến về phía đông và tây Alabama, khiến hơn ¼ sản lượng khai thác dầu và khí ngoài khơi của Mỹ đã ngừng hoạt động, và các cảng xuất khẩu quan trọng trong khu vực bão đi qua cũng đóng cửa.
- Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đã hạ dự báo về nhu cầu dầu mỏ toàn cầu với lý do kinh tế hồi phục chậm. Theo đó, IEA giảm 200.000 thùng/ngày trong mức dự báo về nhu cầu dầu năm 2020, xuống 91,7 triệu thùng/ngày. Tổ chức này cho biết, các kho dự trữ dầu thương mại ở những nước phát triển đã đạt mức cao nhất trong mọi thời đại, là 3,225 tỷ thùng trong tháng 7/2020, đồng thời cắt giảm dự báo về lượng dầu sẽ rút ra từ các kho dự trữ này trong nửa cuối năm 2020

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0,1% xuống 1.955,21 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 tăng 0,1% lên 1.966,20 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên giảm 1,8% xuống 827,50 CNY (121,96 USD)/tấn. Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Singapore giảm 1,5% xuống 123,73 USD/tấn. chi phí nguyên liệu tăng cao gây áp lực lên lợi nhuận của ngành thép, bởi giá thép, nhất là thép cây, không tăng nhiều như giá quặng sắt.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 2/2021 trên sàn giao dịch Osaka (OSE) tăng 4,1 JPY (2,3%) lên 183,2 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Thượng Hải cũng tăng 0,7% lên 12.360 CNY/tấn
- Giá cao su trên thị trường Nhật Bản tăng hơn 2% trong phiên vừa qua do đồng minh của ông Abe tiến gần tới chức Thủ tướng, đồng nghĩa với việc Nhật Bản sẽ tiếp tục theo đuổi chính sách "Abenomics" nhằm thúc đẩy nền kinh tế lớn thứ 3 thế giới tăng trưởng trở lại. Sản xuất công nghiệp của Trung Quốc tháng 8 tăng mạnh cũng góp phần đẩy giá cao su tăng.

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 giảm 1,25 US cent (1%) xuống 1,218 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 tăng 4 USD (0,3%) lên 1.391 USD/tấn.
- Giá cà phê arabica giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 1 tháng do các nhà đầu tư tiếp tục bán tháo các hợp đồng khi dự báo sẽ có mưa ở Brazil, làm giảm lo ngại về tình hình hạn hán ở quốc gia này.

	16/9	% 16/9	15/9	% 15/9	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	897.47	0.14%	896.26	0.19%	0.92%	5.49%
S&P 500			3401.20	0.52%	2.08%	0.82%
HĐTL S&P500	3410.00	0.44%	3395.00	0.67%	0.59%	1.76%
Shang- hai	3283.92	-0.36%	3295.68	0.51%	0.90%	-4.50%
Euro Stoxx	3340.67	0.25%	3332.26	0.47%	0.48%	1.05%

Phân tích kỹ thuật

PVS_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: PVS vẫn đang ở trong trạng thái dao động đi ngang sau khi đã có sự hồi phục vào đầu tháng 8. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn đang có giá trị tốt và ổn định. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đang nghiêng về trạng thái tích cực. Mặt khác, dù cho đường MACD chưa cắt lên trên đường tín hiệu nhưng việc chỉ báo RSI đang tăng dần và vẫn còn cách khá xa vùng quá mua sẽ là yếu tố hỗ trợ giúp PVS hướng đến những vùng giá cao hơn trong thời gian tới. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của cổ phiếu nằm tại xung quanh 12.5. Mục tiêu chốt lãi của PVS nằm tại mức 14.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 12 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

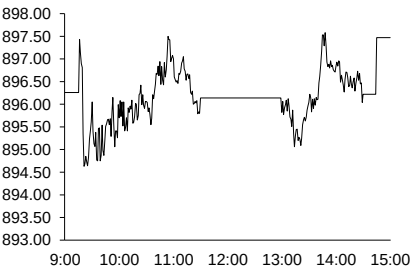
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	2.68%
Bán lẻ	1.47%
Công nghệ Thông tin	0.76%
Y tế	0.67%
Hóa chất	0.54%
Xây dựng và Vật liệu	0.52%
Tài nguyên Cơ bản	0.52%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.44%
Dịch vụ tài chính	0.28%
Bất động sản	0.28%
Du lịch và Giải trí	0.16%
Viễn thông	0.00%
Ô tô và phụ tùng	-0.01%
Bảo hiểm	-0.04%
Ngân hàng	-0.06%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.08%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.32%
Thực phẩm và đồ uống	-0.36%
Truyền thông	-1.01%

Hình 1

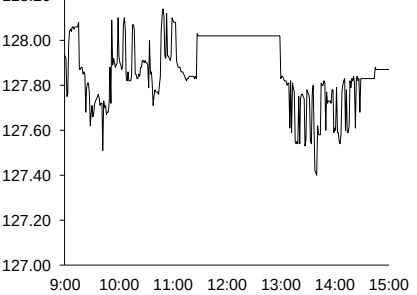
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

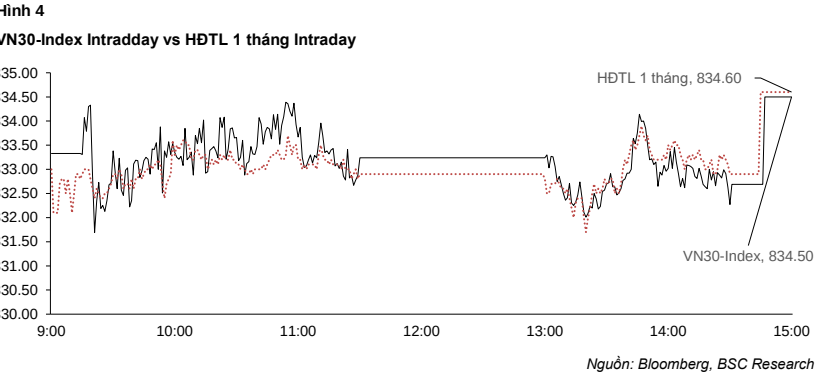
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
9/15/2020	STB	11.6	13	11	11.55	1	-0.43%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	29.9	2	6.98%	Có thể tiếp tục mua
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	24.3	5	0.83%	Có thể tiếp tục mua
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.4	6	-1.68%	Có thể tiếp tục mua
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	18.55	7	-0.54%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	19.3	8	2.12%	Có thể tiếp tục mua
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	6.8	9	1.49%	Có thể tiếp tục mua
9/4/2020	VCS	67	76	60	67.1	12	0.15%	Có thể tiếp tục mua
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	13.3	13	5.56%	Có thể tiếp tục mua
8/31/2020	VJC	103	112	100	106.9	16	3.79%	Có thể tiếp tục mua
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	23	19	-2.54%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	26	20	2.36%	Có thể tiếp tục mua
8/25/2020	MWG	87.6	103	84	94.6	22	7.99%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/21/2020	GVR	11.85	13	11.4	12.65	26	6.75%	Có thể tiếp tục mua
8/20/2020	SHB	13.4	15.4	12.6	14.3	27	6.72%	Có thể tiếp tục mua
8/17/2020	VTP	98.4	118.27	93.43	104.5	30	6.20%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/11/2020	ACB	19.55	23.09	18.86	21.2	36	8.44%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	45.2	37	1.80%	Có thể tiếp tục mua
8/6/2020	LCG	7.39	9.99	6.61	8.58	41	16.10%	Có thể tiếp tục mua
8/3/2020	CTD	67.45	81.79	63.51	72.9	44	8.08%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
7/1/2020	HAX	12.8	15	11	12.6	77	-1.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	32.3	84	5.25%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/18/2020	HPG	21.93	26.18	19.64	24.7	90	12.63%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	77.2	92	3.07%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/1/2020	VGT	8.1	9	7.5	TP	7	11.11%
8/26/2020	DRC	17.15	18.1	16	TP	14	5.54%
8/24/2020	BVH	46.9	50	44.5	TP	7	6.61%
8/19/2020	TCB	20.2	21.5	19.2	TP	9	6.44%
8/18/2020	MBB	17	18	16.2	TP	7	5.88%
8/14/2020	DVN	12.3	13.9	11.5	TP	4	13.01%
8/13/2020	PLX	46.6	48.3	44.6	TP	11	3.65%
8/12/2020	GAS	71.2	76	69.5	TP	22	6.74%
8/7/2020	C32	22.97	24.72	21.78	TP	17	7.62%
8/5/2020	C4G	8.2	8.6	7.3	TP	1	4.88%
Chú thích: Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời		SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	19	5	5.59%	-1.35%	4.15%	30
Cổ phiếu đã chốt	26	21	10.67%	-9.52%	1.65%	22

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2009	834.60	0.19%	0.10	-24.9%	56,137	9/17/2020	3
VN30F2010	834.40	0.30%	-0.10	286.2%	8,447	10/15/2020	31
VN30F2012	828.70	0.17%	-5.80	274.1%	101	12/17/2020	94
VN30F2103	828.00	0.73%	-6.50	-66.1%	40	3/18/2021	185

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng nhẹ +1.17 điểm, lên mức 834.50 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MWG, FPT, VIC, VCB, VHM tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tiếp tục vận động tích lũy tại vùng 830-835 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể tiếp tục tích lũy quanh 825-840 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2010, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2009, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2008	10/29/2020	43	10:1	416,910	41.79%	1,300	1,230	12.84%	1,165	1.06	98,000	85,000	94,600
CMWG2007	11/30/2020	75	1:1	23,790	41.79%	12,900	12,010	10.18%	11,854	1.01	99,900	87,000	94,600
CMWG2009	10/23/2020	37	8:1	380,610	41.79%	1,600	1,740	6.10%	1,722	1.01	94,800	82,000	94,600
CFPT2003	11/9/2020	54	1:1	42,810	33.17%	7,300	11,450	5.05%	2,995	3.82	57,300	50,000	50,500
CPNJ2007	11/20/2020	65	5:1	100,850	39.38%	1,670	2,120	4.95%	1,829	1.16	61,350	53,000	60,700
CFPT2008	1/14/2021	120	5:1	148,010	33.17%	1,500	1,520	4.83%	1,110	1.37	55,500	48,000	50,500
CFPT2006	10/29/2020	43	4.27:1	123,500	33.17%	1,500	1,860	3.33%	1,563	1.19	50,788	44,386	50,500
CREE2003	10/29/2020	43	5:1	120,340	29.55%	1,000	1,890	1.07%	1,834	1.03	35,000	30,000	39,000
CVRE2006	10/29/2020	43	4:1	146,280	45.16%	1,100	1,580	0.64%	1,536	1.03	27,400	23,000	28,900
CHPG2008	11/30/2020	75	1:1	126,310	38.15%	4,100	3,790	0.53%	680	5.57	32,100	28,000	24,700
CVHM2002	11/30/2020	75	1:1	47,760	38.44%	11,500	6,070	0.17%	5,814	1.04	88,500	77,000	77,200
CSTB2008	11/20/2020	65	1:1	190,330	43.44%	1,500	2,030	0.00%	1,707	1.19	11,700	10,200	11,550
CVNM2004	11/30/2020	75	1:1	35,050	33.38%	17,500	14,980	-0.13%	11,523	1.30	133,973	116,473	124,200
CVRE2008	1/14/2021	120	4:1	193,090	45.16%	1,200	1,310	-0.76%	1,190	1.10	30,800	26,000	28,900
CSTB2007	4/27/2021	223	2:1	201,490	43.44%	1,500	1,230	-0.81%	1,043	1.18	13,999	10,999	11,550
CHPG2009	10/29/2020	43	2:1	71,350	38.15%	1,600	3,940	-1.25%	1,363	2.89	25,700	22,500	24,700
CVPB2006	11/30/2020	75	1:1	171,150	46.55%	3,400	1,500	-2.60%	1,605	0.93	27,400	24,000	23,000
CVNM2009	11/20/2020	65	10:1	107,410	33.38%	1,810	2,240	-2.61%	1,982	1.13	125,100	107,000	124,200
CDPM2002	12/16/2020	91	1:1	65,360	43.26%	1,700	4,200	-6.67%	2,476	1.70	16,952	15,252	16,900
CHPG2017	2/18/2021	155	4:1	491,010	38.15%	1,000	600	-7.69%	300	2.00	32,888	28,888	24,700
Tổng				2,712,400	39.07%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 16/9/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch giảm mạnh.
- CMWG2005 và CMWG2008 tăng mạnh lần lượt là 22.04% và 12.84%. Trái lại, CTCB2007 và CHDB2003 giảm mạnh lần lượt là -15.96% và -12.00%. Giá trị giao dịch giảm -20.72%. CMWG2009 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.16%thị trường.
- CVPB2006, CVRE2005, CHDB2005, CREE2004, và CMWG2009 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2005, CDPM2002, và CHPG2009 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CVNM2004, và CHPG2005 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	94.6	1.8%	1.2	1,862	4.5	8,348	11.3	3.0	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	60.7	1.3%	1.3	594	1.7	4,629	13.1	2.9	49.0%	23.6%	
BVH	Bảo hiểm	48.2	0.2%	1.4	1,554	0.8	1,625	29.6	1.8	28.3%	6.7%	
PVI	Bảo hiểm	30.3	0.0%	0.3	294	0.0	2,651	11.4	1.0	54.4%	8.8%	
VIC	Bất động sản	95.5	0.5%	0.8	14,044	2.2	2,336	40.9	3.8	13.8%	9.5%	
VRE	Bất động sản	28.9	0.0%	1.1	2,855	2.7	1,057	27.4	2.4	30.6%	8.9%	
VHM	Bất động sản	77.2	0.5%	1.3	11,041	4.6	6,686	11.5	3.7	22.5%	36.5%	
DXG	Bất động sản	10.2	1.0%	1.4	230	1.9	658	15.5	0.8	35.5%	2.9%	
SSI	Chứng khoán	15.9	0.6%	1.3	415	2.6	1,718	9.3	1.0	48.3%	10.7%	
VCI	Chứng khoán	28.7	1.6%	1.0	206	0.7	4,110	7.0	1.3	28.5%	18.7%	
HCM	Chứng khoán	20.3	1.5%	1.7	269	2.5	1,608	12.6	1.4	48.8%	11.5%	
FPT	Công nghệ	50.5	1.0%	0.8	1,721	4.2	4,280	11.8	2.6	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	48.6	0.2%	0.4	578	0.0	4,812	10.1	2.6	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	72.0	-0.4%	1.4	5,991	1.1	5,169	13.9	2.6	3.3%	20.5%	
PLX	Dầu khí	50.8	2.6%	1.5	2,663	0.5	867	58.6	3.1	15.8%	5.1%	
PVS	Dầu khí	12.9	3.2%	1.5	268	5.4	1,339	9.6	0.5	10.3%	5.2%	
BSR	Dầu khí	6.8	0.0%	0.8	917	0.6	898	7.6	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	104.4	1.4%	0.5	593	0.0	5,044	20.7	4.3	54.7%	21.2%	
DPM	Hóa chất	16.9	-1.2%	0.4	288	2.5	1,700	9.9	0.8	11.2%	8.9%	
DCM	Hóa chất	10.1	0.5%	0.5	232	1.0	709	14.2	0.8	1.8%	5.8%	
VCB	Ngân hàng	82.9	0.5%	1.1	13,368	2.3	4,915	16.9	3.4	23.5%	22.0%	
BID	Ngân hàng	40.6	-0.5%	1.3	7,091	1.0	2,132	19.0	2.1	17.6%	12.3%	
CTG	Ngân hàng	25.2	-0.8%	1.2	4,080	4.4	2,995	8.4	1.2	30.0%	14.6%	
VPB	Ngân hàng	23.0	-0.2%	1.2	2,438	2.7	4,126	5.6	1.2	23.4%	23.5%	
MBB	Ngân hàng	18.1	0.0%	1.0	1,898	2.1	3,497	5.2	1.0	23.0%	20.7%	
ACB	Ngân hàng	21.2	-0.5%	0.9	1,992	2.0	2,884	7.4	1.5	30.0%	22.6%	
BMP	Nhựa	59.1	-1.0%	0.9	210	0.2	5,781	10.2	2.0	82.8%	19.5%	
NTP	Nhựa	33.0	0.9%	0.4	169	0.1	3,348	9.9	1.5	18.9%	16.0%	
MSR	Tài nguyên	16.1	-1.2%	0.3	692	0.1	356	45.2	1.3	1.9%	2.9%	
HPG	Thép	24.7	0.0%	1.1	3,558	7.4	2,632	9.4	1.6	34.9%	18.1%	
HSG	Thép	13.8	6.2%	1.5	267	12.1	1,767	7.8	1.0	9.2%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	124.2	-0.5%	0.8	9,403	3.9	5,538	22.4	7.2	58.5%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	188.2	0.0%	0.8	5,247	0.4	6,328	29.7	6.5	63.2%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	54.9	-0.9%	1.0	2,804	2.2	3,255	16.9	2.8	38.1%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	14.1	0.0%	0.8	358	1.3	561	25.0	1.1	5.6%	5.1%	
ACV	Vận tải	62.6	-0.3%	0.8	5,925	0.5	3,450	18.1	3.7	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	106.9	0.0%	1.1	2,435	2.0	3,480	30.7	3.7	17.7%	12.3%	
HVN	Vận tải	26.9	-0.2%	1.7	1,659	0.7	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%	
GMD	Vận tải	23.4	-0.4%	0.9	302	0.4	1,381	16.9	1.2	49.0%	6.8%	
PVT	Vận tải	12.6	3.7%	1.2	154	1.9	2,076	6.0	0.8	20.5%	13.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	67.1	-1.0%	1.0	453	0.6	8,104	8.3	3.2	3.1%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	22.9	1.8%	0.8	446	0.8	1,363	16.8	1.6	7.7%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	15.6	0.3%	1.0	259	0.4	1,937	8.1	1.1	6.1%	13.5%	
CTD	Xây dựng	72.9	0.0%	1.1	242	1.0	8,453	8.6	0.7	46.8%	7.9%	
CII	Xây dựng	18.5	1.9%	0.3	192	1.6	1,562	11.8	0.9	35.5%	7.6%	
REE	Điện	39.0	0.1%	-1.4	526	0.6	4,780	8.2	1.2	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	20.7	0.0%	-0.4	143	0.4	2,176	9.5	0.9	16.1%	9.9%	
POW	Điện	10.2	0.0%	0.6	1,033	0.5	933	10.9	0.8	11.1%	8.1%	
NT2	Điện	23.8	-0.6%	0.6	298	0.1	2,685	8.9	1.5	18.8%	18.0%	
KBC	Khu công nghiệp	13.7	1.1%	0.8	279	1.4	1,156	11.8	0.7	20.2%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	42.1	-2%	1.0	1,895	0.1	#N/A	N/A	N/A	3.0	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	95.50	0.53	0.48	544300
PLX	50.80	2.63	0.47	221840
VCB	82.90	0.48	0.42	628030.00
VHM	77.20	0.52	0.38	1.38MLN
MWG	94.60	1.83	0.22	1.10MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BCM	0.00	-0.31	37290	1.11MLN
VNM	0.00	-0.29	724510	607060
BID	0.00	-0.23	546300.00	373600
CTG	0.00	-0.21	3.97MLN	192700
MSN	0.00	-0.17	908870	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ASM	7.97	6.98	0.04	7.67MLN
IJC	12.30	6.96	0.03	1.21MLN
SFG	6.38	6.87	0.01	152540
YBM	4.70	6.82	0.00	99260
LCM	0.80	6.67	0.00	62770

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TGG	1.21	-6.92	0.00	1.88MLN
DAH	5.12	-6.91	0.00	1.21MLN
DTA	4.47	-6.88	0.00	82320.00
L10	15.75	-6.80	0.00	10
DAT	41.00	-6.61	-0.04	12740

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

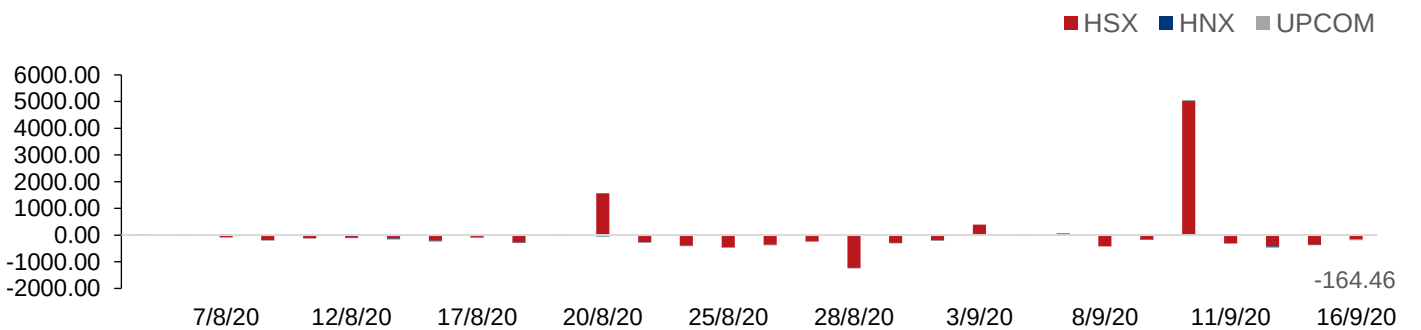
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	12.90	3.20	0.10	9.58MLN
NVB	8.70	2.35	0.08	3.42MLN
OCH	10.00	6.38	0.06	400
SJE	19.30	9.66	0.03	101200.00
VIF	17.30	4.22	0.03	200

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	14.30	-1.38	-0.29	2.04MLN
ACB	21.20	-0.47	-0.21	2.19MLN
SHS	11.80	-1.67	-0.04	2.99MLN
VCS	67.10	-1.03	-0.02	208000
WCS	198.00	-11.17	-0.02	9700

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGH	40.70	10.0	0.01	100
WSS	2.20	10.0	0.01	19800
DNM	58.80	9.9	0.02	77400
PGT	4.50	9.8	0.00	200
SJE	19.30	9.7	0.03	101200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.70	-12.50	0.00	527200
WCS	198.00	-11.17	-0.02	9700
TMX	12.60	-10.00	0.00	100
NBW	19.20	-9.86	-0.01	100
DST	4.70	-9.62	-0.02	6.03MLN

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	94.6	8,348	11.3	3.0	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.6	885	9.7	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	41.5	5,512	7.5	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.4	1,948	12.5	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	24.7	2,632	9.4	1.6	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	28.4	3,314	8.6	1.3	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	23.0	4,126	5.6	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	47.2	9,998	4.7	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	54.9	3,255	16.9	2.8	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	40.6	4,670	8.7	1.6	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	13.8	1,767	7.8	1.0	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	45.2	5,479	8.2	2.3	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	27.2	2,103	12.9	2.3	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	24.7	2,632	9.4	1.6	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	21.4	3,103	6.9	1.1	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	60.7	4,629	13.1	2.9	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	104.5	4,105	25.5	9.0	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	10.2	658	15.5	0.8	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	22.7	1,721	13.2	1.3	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	24.3	7,583	3.2	1.3	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	26.9	5,224	5.1	1.2	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	52.4	4,739	11.1	2.2	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	82.9	4,915	16.9	3.4	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	21.2	2,884	7.4	1.5	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	41.5	5,512	7.5	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	58.6	5,872	10.0	2.7	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	50.5	4,280	11.8	2.6	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.4	1,381	16.9	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	13.7	1,156	11.8	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	188.2	6,328	29.7	6.5	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.4	1,948	12.5	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	124.2	5,538	22.4	7.2	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.2	1,407	8.7	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	94.6	8,348	11.3	3.0	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	19.3	2,088	9.2	1.3	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	104.4	5,044	20.7	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	12.6	2,076	6.0	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	60.7	4,629	13.1	2.9	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	33.6	4,313	7.8	1.6	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	209.2	14,782	14.2	5.8	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
2	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
3	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
4	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
7	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
9	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
11	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
12	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
14	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
15	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
16	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
19	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
20	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
21	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
22	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
23	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
26	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
27	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
28	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
29	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
31	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
32	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
34	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
36	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
38	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 02.2019	x		Click
40	Vĩ Mô&Thị Trường 2019M1	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VNM 2020Q3	7/8/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 125100 ; Giá tại Publish 114800 Định giá: BSC khuyến nghị Theo dõi VNM với giá mục tiêu là 125,100 đồng , upside 9% so với giá đóng cửa 06/08/2020 là 114,800 vnd/cp. Định giá dựa theo 2 phương pháp DCF và PE với PE mục tiêu là 21x.
Express PLC 2020Q3	6/8/20	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 21500 ; Giá tại Publish 17200 Cập nhật KQKD: Trong Q2/2020, PLC đã ghi nhận DTT và LNST lần lượt ở mức 1,188 tỷ VND (-22% yoy) và 57 tỷ VND (+46% yoy). Về doanh thu, mảng dầu mỡ nhờn +3.8% yoy, mảng nhựa đường +15.5% yoy. Trong thời gian tới, PLC có nhiều dự án được kỳ vọng sẽ đóng góp thêm vào mảng nhựa đường như (1) Cam Lộ La Sơn, (2) Trung Lương Mỹ Thuận, (3) Bến Lức Long Thành và 2 dự án sân bay Nội Bài và Tân Sơn Nhất. Dự báo KQKD: Dự kiến: doanh thu đạt 95% kế hoạch và lợi nhuận đạt 100% kế hoạch, tương ứng DT đạt 1,663 tỷ (+18.5% YoY) và LNTT đạt 260 tỷ (+28% YoY).
Express IMP 2020Q3	28/7/20	Cập nhật KQKD Trong Q2, T4 và T5 giảm nhẹ, T6 phục hồi trở lại (+ 198% YoY). Tuy nhiên, diễn biến dịch tại Đà Nẵng khiến tình hình kém khả quan hơn (do người dân sợ đến bệnh viện).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Khách hàng tổ chức
Vũ Thanh Phong

Chức vụ
Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email
phongvt@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
Bùi Huy Hiệp

Chức vụ
Phụ trách Trung tâm tư vấn i-Center

Địa chỉ email
hiepbh@bsc.com.vn